TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng;
2. Ông Trần Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T, năm 1977; trú tại: Số 88, đường T, khu phố E, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1974; trú tại: Số 88, đường T, khu phố E, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17-02-2021, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái H tự nguyện chung sống đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

B, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 21-11-1998; sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên nhà anh H, rồi chuyển về thành phố Tây Ninh sống đến nay; quá trình chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cãi vã nhau và có lần anh H đánh chị đến tháng 6-2020 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt nạnh ai nấy sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thái H1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Khánh T1, sinh năm 2009; cháu H1 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, yêu cầu được nuôi cháu T1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Quá trình chung sống có các tài sản cụ thể như sau:

+ Phần đất tọa lạc Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh do chị T đứng tên, nguồn gốc đất do cha mẹ ruột cho, trước đây cha mẹ chồng có cho phần đất tọa lạc tại huyện T, vợ chồng đã bán đất để xây nhà cấp 4 trên đất tại phường C. Năm 2019 vợ chồng cùng bỏ tiền xây thêm phần gác lửng phía trên.

+ Tiền tiết kiệm gửi ngân hàng TMCP S 201.651.647 đồng.

+ Tiền cho vay số tiền 180.000.000 đồng, cụ thể bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961 (cô ruột của chị) vay số tiền 150.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 vay số tiền 30.000.000 đồng.

+ Vàng 1 cây 5 phân vàng 9999 gồm: nhẫn, dây chuyền.

+ Phần đất tọa lạc tại ấp X, xã K, huyện T, tỉnh Tây Ninh, chị mới mua chưa làm thủ tục sang tên.

+ Tiền mặt khoảng 60.000.000 đồng.

Đối với phần tài sản trên vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn tại bản tự khai ngày 10-3-2021 và các lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Thái H trình bày:* Anh đồng ý thống nhất với phần trình bày của chị T vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 21-11-1998; sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên nhà anh, rồi chuyển về thành phố Tây Ninh sống đến nay; quá trình chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau, đến tháng 10-2020 mâu thuẫn gay gắt nạnh ai nấy sống. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thái H1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Khánh T1, sinh năm 2009; cháu H1 đã trưởng thành, còn cháu T1 đồng ý giao cho chị T nuôi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống có các tài sản như chị T trình bày là

đúng, anh yêu cầu chia thành 04 phần bằng nhau cho vợ chồng và hai con mỗi người một phần.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận chị Nguyễn Hồng T và anh Nguyễn Thái H thuận tình ly hôn; về con chung giao cho chị T nuôi cháu Nguyễn Khánh Tiên, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không giải quyết và chị T phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T: Ngày 21-11-1998 chị Nguyễn Hồng T kết hôn với anh Nguyễn Thái H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo chị T khai quá trình chung sống, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau và có lần anh H đánh chị; đến tháng 6-2020 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt nạnh ai nấy sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh H; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H đồng ý thống nhất với phần trình bày của chị T và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thái H1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Khánh T1, sinh năm 2009; cháu H1 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị T, anh H không yêu cầu giải và anh chị thống nhất giao cháu T1 chị T nuôi; ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận; anh H không đồng ý

yêu cầu chia thành 04 phần bằng nhau, vợ chồng và hai con mỗi người một phần. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án ngày 10-3-2021 Tòa án đã ra thông báo cho anh H về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, tại biên bản làm việc ngày 05-4-2021 anh H trình bày là do anh không có đủ tiền đóng tiền tạm ứng án phí, không nộp đơn, làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; nên anh không yêu cầu giải quyết; đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 23-4-2021 chị T và anh H trình bày thống nhất về tài sản chung là vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau khi lập biên bản xong anh H tự ý bỏ về không ký tên; tại phiên tòa anh H đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Công nhận chị Nguyễn Hồng T và anh Nguyễn Thái H thuận tình ly hôn; về con chung giao cho chị T nuôi cháu Nguyễn Ngọc Khánh T1, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không giải quyết và chị T phải chịu án phí theo luật định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh H phải chịu 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Hồng T và anh Nguyễn Thái H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị T nuôi cháu Nguyễn Ngọc Khánh Tiên, sinh năm 2009; ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết,

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Án phí: Chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001207 ngày 24-02-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; được hoàn trả 150.000 đồng; anh H phải chịu 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Phan Tuyến